

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM GIA MUA CỔ PHẦN CÓ TRÁCH NHIỆM TÌM HIỂU, ĐÁNH GIÁ CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA MÌNH.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM – ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI



TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN
THỰC PHẨM – ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH
MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Địa chỉ: Khu dân cư Quốc lộ 32, Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm,
Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3763 8531 Fax: (84-4) 3763 8599



TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39412626- Fax: (84-4) 39347818



OCEAN SECURITIES

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG (OCS)

Trụ sở: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐT Trung
Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 37726699 - Fax: (84-4) 37726763

CHI NHÁNH SÀI GÒN

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du - Bến Thành -
Quận 1 - TP HCM

Điện thoại : (84-8) 62906296 - Fax: (84-8) 62906399



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II. NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	8
4. Rủi ro của đợt chào bán	8
5. Rủi ro khác	9
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT	12
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
2. Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp	16
3. Tình hình nhân sự	19
4. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014.....	20
5. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	22
6. Danh sách công ty mẹ và công ty con.....	24
7. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động SXKD trong 3 năm trước khi cổ phần hóa....	25
8. Vị thế của Xí nghiệp so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	35
VI. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	37
1. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	37
2. Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty	38
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần.....	43
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	44
5. Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa	45
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN	48
1. Cơ cấu chào bán và phương thức thanh toán.....	48
2. Cổ phiếu chào bán đấu giá.....	49
3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa.....	49
VIII. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán	51



DANH SÁCH BẢNG BIỂU

BIỂU

Biểu 1: Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp.....	17
Biểu 2: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty cổ phần	38

BẢNG

Bảng 1: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014	21
Bảng 2: Bảng tổng hợp tài sản cố định của Xí nghiệp tại ngày 31/03/2014	23
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần hàng năm.....	25
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ hàng năm	26
Bảng 5: Cơ cấu chi phí	27
Bảng 6: Các hợp đồng đang thực hiện/đã ký kết.....	29
Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh	30
Bảng 8: Các khoản phải thu.....	32
Bảng 9: Các khoản phải trả	32
Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính.....	33
Bảng 11: Cơ cấu vốn điều lệ	44
Bảng 12: Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	45
Bảng 13: Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.....	45
Bảng 14: Phương thức bán	48
Bảng 15: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa.....	49



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

Tổ chức phát hành	:	Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội
Địa chỉ trụ sở chính	:	Khu dân cư Quốc lộ 32, Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại	:	(04) 3763 8531 Fax: (04) 3763 8599
Cổ phần chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kinh doanh và chế biến thực phẩm Hà Nội
Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá một cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
Vốn điều lệ dự kiến	:	30.000.000.000 Đồng
Tổng số cổ phần bán đấu giá	:	1.475.300 cổ phần (<i>Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm cổ phần</i>) tương đương 49,17% vốn điều lệ
Giá khởi điểm đấu giá	:	10.100 đồng/cổ phần
Hình thức chào bán	:	Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước. Xí nghiệp lựa chọn hình thức vừa bán một phần vốn Nhà Nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ.
Địa điểm đấu giá	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội



NỘI DUNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn.
- Luật Chứng khoán số 70/2011/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 05 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn.
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Văn bản số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2015;
- Văn bản số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội năm 2014;
- Quyết định số 2826/KH-UBND ngày 6/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội;
- Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 6/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội.
- Quyết định số 1540/QĐ-STC-BCĐ ngày 26/3/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội.
- Quyết định số 4929/QĐ-UBND ngày 24/09/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014 và Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội.

II. NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Kể từ năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam cũng bước vào giai đoạn giảm tốc đáng kể. Cùng với sự quy giảm tốc độ tăng trưởng GDP mỗi năm, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước đối mặt với nhiều vấn đề bất ổn như lạm phát, lãi suất tăng cao đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Giai đoạn từ năm 2010-2013 tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần qua các năm và bình quân chỉ đạt 5,8%/năm đã cho thấy nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính. Những tín hiệu phục hồi tăng trưởng và ổn định vĩ mô vẫn còn mong manh là rủi ro cho các doanh nghiệp, những chủ thể đang vận hành trong nền kinh tế

❖ Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây Việt Nam liên tục đứng trước sức ép của lạm phát gia tăng.

Giai đoạn 2010-2013, Tỷ lệ lạm phát (CPI) tiếp tục duy trì ở mức cao, trong đó năm 2011 lạm phát đã đạt mốc 18,13% ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm.

Trong điều kiện đó, Chính Phủ đã có nhiều quyết sách quyết liệt để kiềm chế lạm phát qua đó từng bước ổn định vĩ mô, từng bước tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Nhờ đó Lạm phát từng bước được kiềm chế và có xu hướng giảm kể từ 2 năm qua với chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 và 9 tháng năm 2014 lần lượt là 6,6% và 4,61%, đây là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

❖ Lãi suất

Trước các diễn biến khó khăn của nền kinh tế kéo dài từ năm 2011, năm 2012, Ngân hàng Nhà nước vẫn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và bước đầu thu được kết quả trong việc kiềm chế lạm phát. Trong 9 tháng đầu năm 2012, Ngân hàng Nhà Nước đã có những động thái tích cực là đưa trần lãi suất cho vay xuống mức 15%/năm, và có những bước đi mạnh mẽ nhằm đưa lãi suất đối với các khoản vay cũ xuống dưới 15%/năm.

Năm 2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 10%/năm xuống còn 9%/năm.

Từ đầu năm 2014 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện 02 lần điều chỉnh lãi suất. Lần điều chỉnh thứ nhất vào ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định chính thức về việc giảm trần lãi suất huy động với các kỳ hạn dưới 6 tháng. Theo đó, trần lãi suất áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2% xuống 1%/năm. Còn trần lãi suất áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7%/năm xuống 6%/năm. Với các kỳ hạn huy động trên 6 tháng, các ngân hàng được ấn định lãi suất trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Ngày 29/10/2014, Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND của các tổ chức, cá nhân tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ mức 6%/năm xuống mức 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, ... Việc giảm trần lãi suất là dựa trên cơ sở điều kiện, diễn biến kinh tế vĩ mô. Thời gian qua lạm phát đã được kiềm chế ở mức thấp, thanh khoản của hệ thống ngân hàng được đảm bảo.

Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của Doanh nghiệp. Với việc liên tục điều chỉnh giảm trong hai năm gần đây đã tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng vốn với giá rẻ trong điều kiện thị trường tài chính ổn định.

❖ Tỷ giá hối đoái

Là một trong những rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá không có nhiều biến động lớn trong những năm gần đây. Ngày 28/06/2013, Ngân hàng Nhà nước chính thức điều chỉnh tỷ giá từ mức 20.828 VND/USD lên 21.036 VND/USD (mức điều chỉnh 1%). Thêm nữa, lực để can thiệp đã được cải thiện rất lớn, khi dự trữ ngoại tệ của Việt Nam đã đạt mức kỷ lục là 32 tỷ USD, tương đương với 12 tuần nhập khẩu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu, nên những biến động trong thị trường tiền tệ và ngoại hối ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Xí nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế,... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Xí nghiệp cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của



doanh nghiệp. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Thực phẩm là một trong những nhu cầu thiết yếu cho sự tồn tại của con người. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề con người luôn đặc biệt quan tâm. Do đó với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm thì nguồn nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng cần thiết hàng đầu. Nguồn nguyên liệu đầu vào có đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thì sản phẩm mới đạt chất lượng tốt.

Thực trạng về an toàn thực phẩm ở nước ta còn tồn tại nhiều vấn đề tác động tiêu cực và gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người tiêu dùng. Do thói quen canh tác, nhiều diện tích rau của nước ta được trồng ở những vùng ô nhiễm, tận dụng các nguồn nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt nên khả năng rau chứa các chất độc hại và hàm lượng kim loại nặng là rất cao. Hơn nữa, vì lợi nhuận, nên việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, phân hóa học, các hóa chất bảo vệ thực vật của người trồng rau, quả còn tùy tiện và nhiều khi không tuân thủ thời gian cách ly như khuyến cáo của nhà sản xuất.

Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm nước ta hiện vẫn còn quy mô nhỏ, phân tán mang tính tận dụng chiếm tỷ lệ cao, giá thành các sản phẩm chăn nuôi khá cao, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng trong nước, đặc biệt là cho xuất khẩu. Công tác phòng, chống dịch bệnh của nhiều địa phương còn yếu nên dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát thường xuyên xảy ra, ô nhiễm môi trường gia tăng gây thiệt hại lớn và ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành chăn nuôi Việt Nam.

Hiện nay, một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vì lợi nhuận đã thu mua nguyên liệu một cách đại trà, không đạt tiêu chuẩn cho phép mà không có biện pháp kiểm tra, kiểm soát làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và niềm tin của người tiêu dùng về thực phẩm sạch. Hơn nữa, tâm lý của người tiêu dùng Việt Nam nhìn chung còn thờ ơ với những ảnh hưởng từ thực phẩm không an toàn vì thông thường, ảnh hưởng của các loại thực phẩm không an toàn đến sức khỏe thường không biểu hiện ngay trực tiếp khi sử dụng sản phẩm. Để có thể nhận biết và phân biệt thực phẩm sạch thì bằng cảm quan và mắt thường rất khó. Cách phổ biến để nhận biết là cần phải dựa vào tem nhãn chứng nhận nguồn gốc sản phẩm và các chỉ dẫn địa lý của sản phẩm.

Để hạn chế rủi ro nguồn nguyên liệu đầu vào, Xí Nghiệp đã lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín và thương hiệu trên thị trường. Bên cạnh đó, Xí nghiệp cũng chú trọng khâu sơ chế đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn chất lượng do Xí nghiệp xây dựng.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và các diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những dấu hiệu bất lợi của các yếu tố này có ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Do không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có



thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Phạm Công Bình	Phó Giám đốc Sở Tài Chính, Phó trưởng ban Thường trực Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Thành phố - Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa;
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội – Phó trưởng ban;
Ông Nguyễn Việt Xô	Bí thư đảng ủy khối doanh nghiệp Hà Nội - Ủy viên;
Ông Lý Văn Giao	Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố - Ủy viên;
Ông Nguyễn Ngọc Việt	Phó Giám đốc Sở Nội vụ - Ủy viên;
Ông Trần Ngọc Nam	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Ủy viên;
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Ủy viên;
Ông Hà Minh Hải	Phó Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội - Ủy viên;
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên;
Bà Hà Ngọc Hồng	Phó Giám đốc Sở Xây dựng - Ủy viên;
Ông Dương Đức Tuấn	Phó Giám đốc Sở Quy hoạch và Kiến trúc - Ủy viên;
Ông Trần Thanh Nhã	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Ủy viên;
Ông Kiều Xuân Nghị	Chi cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp - Ủy viên;
Ông Đỗ Văn Hảo	Phó bí thư thường trực Đảng ủy Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội - Ủy viên;
Ông Lương Mạnh Dũng	Chủ tịch công đoàn Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội - Ủy viên;

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực, phù hợp với thực tế về doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được duyệt.



2. Đại diện Doanh nghiệp cổ phần hóa:

Đại diện Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội

Ông Lê Văn Tuấn

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội

Đại diện Xí nghiệp Kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm

Ông Đào Nguyên Đặng

Chức vụ: Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm

Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Kế toán trưởng Xí nghiệp Kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương

Ông Vũ Hồng Sơn

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương thực hiện một cách cẩn trọng và đúng pháp luật, dựa trên các thông tin và số liệu do Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ đúng trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.



IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT

Một số từ hoặc nhóm từ sử dụng trong Bản Công bố thông tin được hiểu như sau:

Ban chỉ đạo cổ phần hóa:	Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm
Xí nghiệp:	Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm
Tổ chức bán đấu giá:	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương
TNHH MTV:	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CPH:	Cổ phần hóa
CTCP:	Công ty cổ phần
HDQT:	Hội đồng Quản Trị
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
BCTC:	Báo cáo tài chính
TSCĐ:	Tài sản cố định
DT:	Doanh thu
SX:	Sản xuất
CP:	Cổ phần



V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Xí nghiệp

- Tên Xí nghiệp: **XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CẦM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**
- Cơ quan cấp trên trực tiếp: Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu dân cư Quốc lộ 32, Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3763 8531 Fax: (04) 3763 8599

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp theo quyết định số 349/QĐ-CT ngày 01/12/2010 của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội về việc thành lập Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm bao gồm:

- + Thu mua, giết mổ gia súc, gia cầm;
- + Kinh doanh sản phẩm gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến nông sản thực phẩm;
- + Chế biến thực phẩm

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100103305-020, đăng ký lần đầu ngày 15/07/2014 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp bao gồm:



STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	<i>0162 (Chính)</i>
2	Trồng cây gia vị, cây dược liệu Chi tiết: Nuôi trồng dược liệu	<i>0128</i>
3	Chăn nuôi khác Chi tiết: Ngành chăn nuôi: gia súc gia cầm và các sản phẩm chế biến nông sản, thực phẩm;	<i>0149</i>
4	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Trồng trọt, chăn nuôi	<i>0150</i>
5	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	<i>0161</i>
6	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Thu mua, giết mổ gia súc, gia cầm	<i>1010</i>
7	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	<i>1080</i>
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	<i>4620</i>
9	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	<i>4632</i>
10	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn: rượu, bia; Bán buôn đồ uống không có cồn: nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;	<i>4633</i>
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; - Đại lý và kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm, vật tư và thiết bị hàng tiêu dùng; - Kinh doanh các ngành hàng, vật tư, vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất và các hàng hóa tiêu dùng khác phục vụ đời sống và sản xuất; - Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị nông nghiệp và các loại máy móc, thiết bị thi công xây dựng; - Kinh doanh xuất nhập khẩu nông, lâm sản; - Kinh doanh sản phẩm gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến nông sản, thực phẩm.	<i>4669</i>
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	<i>5221</i>



	Chi tiết: Trông giữ các phương tiện, cho thuê địa điểm đỗ xe.	
13	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; Bánh, mứt, kẹo; Thực phẩm khác	4722
14	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia; - Bán lẻ đồ không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	4723
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất và xuất nhập khẩu bao bì PP, PE, in ấn các loại bao bì và đồ nhựa; - Nuôi trồng thủy đặc sản, xuất nhập khẩu thủy sản; - Kinh doanh xuất, nhập khẩu thuốc thú y, thủy sản chế phẩm sinh học dùng trong thú y; - Kinh doanh sản phẩm gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến nông sản, thực phẩm; - Sản xuất kinh doanh hạt giống, giống rau, hoa quả, giống cây cảnh cây lâm nghiệp, cây môi trường và các nguyên liệu giống rau hoa quả, giống rau cây cảnh, cây lâm nghiệp, cây môi trường; - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, thiết bị hàng hóa và nông sản thực phẩm (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật).	8299
16	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm được thành lập từ ngày 28 tháng 03 năm 2006 theo quyết định số 35/QĐ-CT của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội. Năm 2010, Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội. Ngày 01/12/2010, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội ban hành quyết định số 349/QĐ-CT về việc thành lập Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm



trực thuộc của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội trên cơ sở Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm trực thuộc của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội.

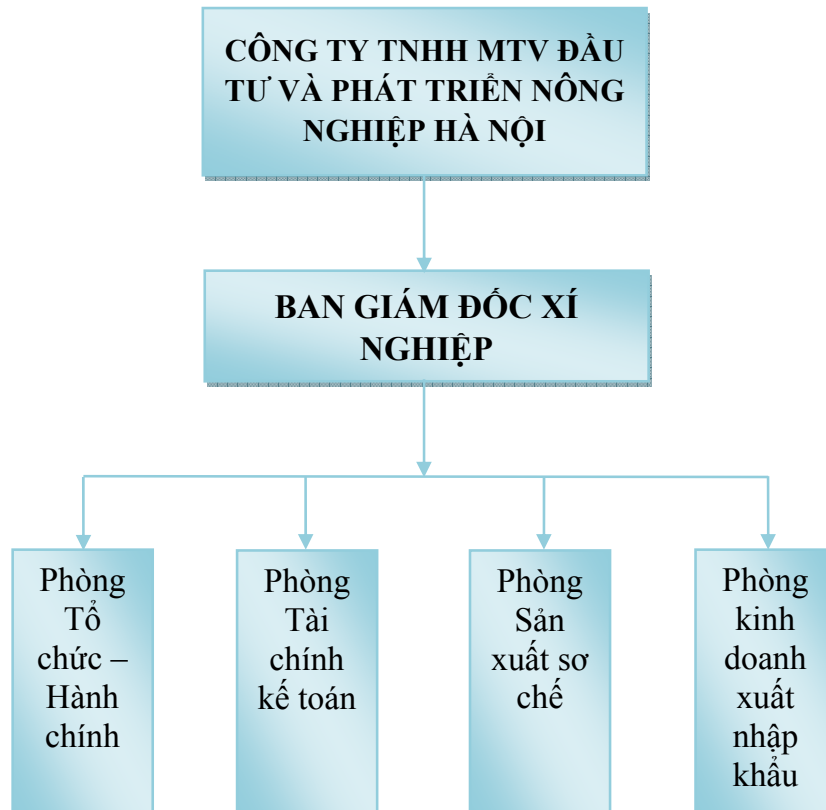
Xí nghiệp hoạt động theo hình thức hạch toán phụ thuộc, dưới sự chỉ đạo của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội, được sử dụng con dấu riêng theo quy định của Nhà nước.

Gần tám năm hoạt động sản xuất kinh doanh, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội, Xí nghiệp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và là một trong năm đơn vị uy tín trong toàn Công ty.

Xí nghiệp được giao nhiệm vụ là đầu mối tiêu thụ toàn bộ sản phẩm nông – thủy hải sản của Công ty như: lúa gạo, rau củ quả các loại (dứa, bưởi, rau...), thịt gia súc gia cầm... Với sản lượng hàng ngàn tấn nông – thủy hải sản các loại, Xí nghiệp đã cung cấp thực phẩm cho lượng lớn bếp ăn công nghiệp, bếp ăn trường học, bán buôn trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận. Mặt khác, Xí nghiệp được Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội giao nhiệm vụ bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu theo chương trình Bình ổn giá của Thành phố Hà Nội từ năm 2008 đến nay.

2. Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội, tổ chức và hoạt động căn cứ theo Luật doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội; Quy chế tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp.

Biểu 1: Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp

(Nguồn: Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm)

Cơ cấu tổ chức quản lý Xí nghiệp bao gồm:

- ❖ **Đơn vị chủ quản:** Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội
- ❖ **Ban Giám đốc Xí nghiệp**

Ban Giám đốc Xí nghiệp gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Giám đốc có nhiệm vụ:

- Điều hành chung, chỉ đạo các mặt công tác, kế hoạch, tài chính kế toán, tổ chức.
- Có trách nhiệm giám sát và kiểm tra tất cả các hoạt động về sản xuất kinh doanh, và các mặt công tác khác của Xí nghiệp.
- Chịu trách nhiệm về mọi kết quả sản xuất kinh doanh và các mặt công tác trước Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng Giám đốc Công Ty.

Các Phó Giám đốc có nhiệm vụ:

- Giúp việc cho Giám đốc Xí nghiệp, điều hành công tác nội chính văn phòng, công tác an ninh trật tự, công tác an toàn lao động trong toàn Xí nghiệp.
- Phụ trách mảng kinh doanh thị trường bán hàng.



- Giúp Giám đốc Xí nghiệp giải quyết các công việc đột xuất, phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.
- Thay mặt giám đốc điều hành công việc khi Giám đốc đi vắng và ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội, Giám đốc Xí nghiệp và pháp luật về nhiệm vụ được phân công thực hiện.

❖ **Phòng Tài chính Kế toán**

- Có trách nhiệm tổ chức công tác hạch toán kế toán thống kê của Xí nghiệp.
- Báo cáo công tác hoạt động kế hoạch, tài chính từng tháng, quý, năm. Lập và hướng dẫn các biểu mẫu nghiệp vụ cho các đơn vị trực thuộc Xí nghiệp. Tham mưu cho lãnh đạo Xí nghiệp về giá cả (về giá mua và giá bán), về phương thức toán.
- Trực tiếp đến các đơn vị kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác ghi chép sổ sách nghiệp vụ, công tác hạch toán kế toán, kịp thời uốn nắn các sai sót cho các đơn vị.
- Tham mưu cho giám đốc Xí nghiệp về kế hoạch quản lý sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác mà Công ty giao cho Xí nghiệp.
- Lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, kế hoạch tài chính, chỉ đạo theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch được duyệt. Kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản thu chi tài chính của các bộ phận.
- Chủ động đáp ứng kịp thời (theo yêu cầu) vốn cho sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho các bộ phận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

❖ **Phòng Tổ chức hành chính**

- Xây dựng và theo dõi về tình hình thực hiện Nội quy quy chế làm việc của Xí nghiệp.
- Đôn đốc các bộ phận nhận khoán và các phòng ban đóng nộp các loại bảo hiểm theo quy định của nhà nước.
- Tiếp nhận và làm thủ tục giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động trong toàn Xí nghiệp theo quy định hiện hành.
- Quản lý và giải quyết công tác hành chính, văn thư lưu trữ. Làm công tác hành chính tại văn phòng Xí nghiệp.
- Cung cấp truyền đạt các văn bản thông tin, chỉ đạo của lãnh đạo Xí nghiệp tới các đơn vị trạm trại trực thuộc.

❖ **Phòng sản xuất, sơ chế**

- Tổ chức xây dựng quy trình trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch nông sản.



- Thực hiện tốt các khâu sơ chế các sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tạo ra các sản phẩm chất lượng.
- Theo dõi tổng hợp kết quả sản xuất theo quy định, tháng, quý, năm của Xí nghiệp.
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông sản, thực phẩm.
- Xử lý và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề phát sinh về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm với Ban Giám đốc.

❖ **Phòng kinh doanh, xuất nhập khẩu**

- Xây dựng các kênh khách hàng tiêu thụ sản phẩm cho bán buôn, bán lẻ, bếp ăn; xây dựng kế hoạch kinh doanh cho từng tháng, từng quý, và cả năm, tham mưu cho lãnh đạo Xí nghiệp chiến lược tiêu thụ sản phẩm.
- Tìm kiếm, củng cố và lựa chọn các nhà nhập khẩu có uy tín cho đầu vào của sản phẩm đông lạnh, lựa chọn các thương hiệu lớn trên thị trường để phân phối các sản phẩm gia vị thực phẩm, thực phẩm chế biến.
- Tham mưu cho lãnh đạo giá mua, giá bán hàng hóa phù hợp với từng thời điểm. Chọn thời điểm om hàng, mua hàng vào nhiều khi thị trường có dấu hiệu lên giá, nhu cầu tiêu thụ cao.
- Xây dựng chương trình quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bao bì, mẫu mã các sản phẩm của xí nghiệp.
- Chuẩn bị quy trình quản lý, phương án triển khai nấu ăn tại các bếp tập thể.
- Xây dựng kế hoạch xuất nhập hàng hóa đảm bảo đủ hàng phục vụ khách.
- Đề xuất phương án sử dụng xe tải phục vụ bán hàng hiệu quả.
- Chú trọng khâu chăm sóc khách hàng, tiếp thu sự phản ánh của khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.
- Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng bán hàng của nhân viên.
- Công tác dự báo khuynh hướng tiêu dùng và phát triển của thị trường cho các năm tiếp theo.

3. Tình hình nhân sự

❖ **Cơ cấu lao động**

❖ Phân loại theo hợp đồng lao động

- Hợp đồng không xác định thời hạn 20 người
- Hợp đồng xác định thời hạn từ 1 – 3 năm 05 người

❖ Phân loại theo giới tính

- Nam 17 người



- Nữ 08 người
- ❖ Phân loại theo độ tuổi
 - Dưới 31 tuổi 07 người
 - Từ 31 đến dưới 45 tuổi 16 người
 - Từ 45 đến dưới 60 tuổi 02 người
- ❖ Phân loại theo trình độ
 - Trên đại học và đại học 12 người
 - Cao đẳng 02 người
 - Trung cấp, sơ cấp nghề 03 người
 - Lao động phổ thông 08 người
- ❖ **Phương án sử dụng lao động**
 - Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (31/03/2014): 25 người
 - Số lao động sẽ chuyển sang làm việc ở công ty cổ phần: 25 người
 - Số lao động dự kiến không bố trí được việc làm ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp thuộc diện lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định 91/2010/NĐ-CP: 0 người

4. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014

Theo Quyết định số 4929/QĐ-UBND ngày 24/09/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014 và Phương án cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội, giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá ngày 31/03/2014 như sau:

- Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán: **30.102.138.483 đồng**
- Giá trị doanh nghiệp theo xác định lại: **32.091.477.284 đồng**
- Giá trị vốn nhà nước theo sổ sách kế toán: **27.849.763.537 đồng**
- Giá trị vốn nhà nước theo xác định lại: **29.839.102.339 đồng**

Số liệu theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm tại thời điểm 31/03/2014 số 556-14/BB-ĐG/ĐG-VAE ngày 04/08/2014 như sau:

**Bảng 1: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014**

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	30.102.138.483	32.091.477.285	1.989.338.802
I. Tài sản dài hạn	7.559.757.474	9.549.096.276	1.989.338.802
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2. Tài sản cố định	7.548.535.224	9.526.526.535	1.977.991.311
<i>a. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>7.307.300.356</i>	<i>9.285.291.667</i>	<i>1.977.991.311</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.814.013.801	6.519.121.580	1.705.107.779
- Máy móc thiết bị	1.861.570.502	2.053.869.178	192.298.676
- Phương tiện vận tải	631.716.053	712.300.909	80.584.856
<i>b. Tài sản cố định vô hình</i>	<i>11.999.975</i>	<i>11.999.975</i>	-
<i>c. Tài sản cố định thuê tài chính</i>	-	-	-
<i>d. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>229.234.893</i>	<i>229.234.893</i>	-
3. Bất động sản đầu tư	-	-	-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	11.222.250	22.569.741	11.347.491
II. Tài sản ngắn hạn	22.542.381.009	22.542.381.009	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	127.068.754	127.068.754	-
<i>a. Tiền</i>	<i>127.068.754</i>	<i>127.068.754</i>	-
<i>b. Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	17.803.223.890	17.803.223.890	-
4. Hàng tồn kho	4.447.657.142	4.447.657.142	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	164.431.223	164.431.223	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-



B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	30.102.138.483	32.091.477.284	1.989.338.802
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	30.102.138.483	32.091.477.285	1.989.338.802
E1. Nợ thực tế phải trả	2.252.374.946	2.252.374.946	-
E2. Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	27.849.763.537	29.839.102.339	1.989.338.802

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/03/2014

5. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

5.1 Diện tích khu nhà, đất Xí nghiệp đang quản lý, sử dụng

Xí nghiệp được giao quản lý và sử dụng 4.407,1 m² đất nằm trên khu dân cư quốc lộ 32, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

❖ Hồ sơ pháp lý đất:

- Quyết định số: 3944/QĐ-UB ngày 8 tháng 7 năm 2003 của UBND Thành phố Hà Nội về việc bàn giao 41.925 m² đất tại xã Minh Khai cho Ban Quản lý dự án huyện Từ Liêm để xây dựng Chợ đầu mối Minh Khai;
- Quyết định số: 1211/UB-KH&ĐT ngày 28/3/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chủ trương đầu tư dự án giết mổ gia súc tại chợ đầu mối Minh Khai, huyện Từ Liêm;
- Quyết định số 108/QĐ-ĐT-DA ngày 10/5/2007 của Công ty đầu tư phát triển NN Hà Nội về việc phê duyệt lại dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia cầm tập trung tại chợ đầu mối Minh Khai - Từ Liêm - Hà Nội”;
- Quyết định số 349/QĐ-CT ngày 01/12/2010 của Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển nông nghiệp Hà Nội quyết định về việc thành lập Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm;
- Bản đồ hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Một thành viên Địa chính Hà Nội lập tháng 5/2014, hồ sơ thửa đất lập ngày 10/6/2014.



- ❖ **Hình thức sử dụng đất trước khi cổ phần hóa:** Đất giao để thực hiện dự án dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia cầm tập trung tại chợ đầu mối Minh Khai - Từ Liêm - Hà Nội, không có hợp đồng thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của Chi cục thuế quận Bắc Từ Liêm – TP. Hà Nội.
- ❖ **Hiện trạng sử dụng đất:**
 - Đất xây dựng trụ sở làm việc: 241,83 m²
 - Đất làm cơ sở chế biến gia súc, kho lạnh: 4.165,27 m²
- ❖ **Nghĩa vụ tài chính đối với khuôn viên đất đã thực hiện:**
 - Nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo quy định của Nhà Nước
 - Trả tiền thuê đất hàng năm đối với toàn bộ diện tích khu đất 4.407,1 m².
- ❖ **Phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần:** Tiếp tục thuê, quản lý, sử dụng làm trụ sở làm việc và cơ sở kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm. Hiện nay, Xí nghiệp đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết ký để Hợp đồng thuê đất.
- ❖ **Giá trị quyền sử dụng đất:** Khi chuyển sang công ty cổ phần, Xí nghiệp tiếp tục thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất hàng năm. Do đó, theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP thì không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

5.2 Tài sản cố định

Bảng 2: Bảng tổng hợp tài sản cố định của Xí nghiệp tại ngày 31/03/2014

DVT: Triệu đồng

STT	Tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	10.245	7.307	12.941	9.285	2.696	1.977
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.632	4.814	8.197	6.519	2.565	1.705
1.1	Nhà cửa	3.031	2.623	3.667	2.713	636	90
	<i>Nhà xưởng sản xuất</i>	<i>2.649</i>	<i>2.312</i>	<i>3.263</i>	<i>2.382</i>	<i>614</i>	<i>70</i>
	<i>Nhà văn phòng</i>	<i>334</i>	<i>277</i>	<i>340</i>	<i>279</i>	<i>6</i>	<i>2</i>
	<i>Nhà bảo vệ</i>	<i>48</i>	<i>34</i>	<i>64</i>	<i>52</i>	<i>16</i>	<i>18</i>
1.2	Vật kiến trúc	2.601	2.191	4.530	3.806	1.929	1.615
	<i>Tường rào, cổng bảo vệ</i>	<i>160</i>	<i>101</i>	<i>242</i>	<i>121</i>	<i>82</i>	<i>20</i>
	<i>Xây dựng cơ sở hạ tầng</i>	<i>2.441</i>	<i>2.090</i>	<i>4.272</i>	<i>3.674</i>	<i>1.831</i>	<i>1.584</i>



	<i>Nhà để xe</i>	0	0	16	11	16	11
2	Máy móc thiết bị	3.586	1.861	3.655	2.053	69	192
	<i>Thiết bị làm lạnh</i>	949	575	949	598	-	23
	<i>Kho lạnh</i>	351	176	420	289	69	113
	<i>Dây chuyền giết mổ</i>	2.247	1.101	2.247	1.146	-	45
	<i>Máy anolit</i>	39	9	39	20	-	11
3	Phương tiện vận tải	1.027	632	1.089	712	62	80
	<i>Ô tô 7 chỗ Ford Everest biển kiểm soát 29A-018.36</i>	807	545	807	605	-	60
	<i>Xe đông lạnh</i>	220	87	282	107	62	20
II	Tài sản cố định vô hình	32	12	32	12	-	-
1	Phần mềm kế toán Effect	32	12	32	12	-	-
III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	229		229		-	-
1	Sửa chữa khu văn phòng làm việc Xí nghiệp Rau an toàn	229		229		-	-

Nguồn: Phụ lục đính kèm Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm tại thời điểm 31/03/2014 số 556-14/BB-ĐG/ĐG-VAE ngày 04/08/2014

Sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/03/2014), Xí nghiệp không có biến động lớn về tài sản cố định. Theo báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Xí nghiệp, tính đến ngày 30/06/2014, nguyên giá tài sản cố định của Công ty đạt 10.245.673.543 đồng và chi phí xây dựng cơ bản dở dang đạt 229.234.893 đồng.

6. Danh sách công ty mẹ và công ty con

❖ Cơ quan cấp trên trực tiếp

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội
- Trụ sở chính: Số 202 Hồ Tùng Mậu, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: 04.37643447 Fax: 04-38370268
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103305 đăng ký thay đổi lần đầu ngày 18/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21/03/2014.
- Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2014: 760 tỷ đồng

❖ Công ty con: Không có





7. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động SXKD trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

7.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

❖ Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Là một đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội, với nhiệm vụ được giao là: sản xuất, kinh doanh thực phẩm đông lạnh; kinh doanh các mặt hàng thực phẩm gia súc, gia cầm tươi sống, thực phẩm tiêu dùng. Sản xuất, liên kết, kinh doanh các loại rau củ quả an toàn; chế biến cơm suất, cơm hộp; dịch vụ suất ăn công nghiệp, tiệc...; kinh doanh các sản phẩm thực phẩm đặc sản, sản phẩm sạch.

Trong giai đoạn năm 2011 – 2013, doanh thu của Công ty biến động và chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong nước, năm 2012 doanh thu thuần của Xí nghiệp giảm 23,62% so với doanh thu thuần năm 2011. Năm 2013 với tín hiệu phục hồi của nền kinh tế, đồng thời với sự đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu doanh thu thuần có sự tăng trưởng đáng kể, tăng 66,14% so với năm 2012. 6 tháng đầu năm 2014 doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ của Xí nghiệp thấp chỉ đạt 24 tỷ đồng, bằng 21,26% so doanh thu thuần cả năm 2013 và chỉ đạt 19,34% kế hoạch cả năm 2014. Tuy nhiên với việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thực phẩm vào các bữa ăn và với tâm lý tiêu dùng thực phẩm vào những tháng cuối năm thường lớn hơn, Xí nghiệp hy vọng hoàn thành được kế hoạch doanh thu kinh doanh thực phẩm trong năm 2014.

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần hàng năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Lũy kế đến 30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng	87.589	98,11%	67.302	98,70%	111.092	98,06%	24.091	100,00%
Thực phẩm đông lạnh	57.696	64,62%	62.040	90,98%	85.315	75,31%	11.876	49,30%
Thực phẩm tươi sống	-	0,00%	1.246	1,83%	6.223	5,49%	8.643	35,88%
Thực phẩm khác	1.612	1,81%	980	1,44%	3.626	3,20%	2.789	11,58%
Xuất khẩu nông sản	12.156	13,62%	1.462	2,14%	15.928	14,06%	783	3,25%
Hàng điện tử	16.125	18,06%	1.574	2,31%	-	0,00%	-	0,00%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.691	1,89%	887	1,30%	2.199	1,94%	-	0,00%
Tổng cộng	89.280	100,00%	68.189	100,00%	113.291	100,00%	24.091	100,00%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 do Xí nghiệp lập)



Trong những năm gần đây, doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu trên 98% doanh thu hàng năm của Xí nghiệp, doanh thu dịch vụ (dịch vụ quản lý chợ) chiếm tỷ trọng ít dưới 2% doanh thu hàng năm và từ năm 2014, Xí nghiệp chấm dứt hoạt động dịch vụ này.

Hoạt động kinh doanh thực phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu trong doanh thu bán hàng hàng năm bao gồm thực phẩm đông lạnh, thực phẩm tươi sống và thực phẩm khác. Trong đó, thực phẩm đông lạnh đóng góp đáng kể doanh thu thuần hàng năm của Xí nghiệp, thực phẩm tươi sống và thực phẩm khác chiếm tỷ trọng khoảng từ 1% - 5% doanh thu thuần hàng năm trong giai đoạn 2011 – 2013. Xí nghiệp chủ yếu thực hiện bán buôn thực phẩm tại các thị trường như Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Lào Cai, Hà Giang, Các đầu mối kinh doanh thực phẩm, đặc biệt thực phẩm đông lạnh từ các tỉnh về kho Xí nghiệp mua buôn, sản lượng tiêu thụ đạt 200-300 tấn/tháng. Với hệ thống kho lạnh dự trữ hơn 100 tấn, Xí nghiệp ký hợp đồng thuê thêm kho Quang Minh, kho An Việt khu Công nghiệp Thăng Long đáp ứng nhu cầu hàng hóa. Xí nghiệp có hệ thống kho tàng rộng lớn, lại gần Chợ đầu mối Minh Khai nên thuận lợi cho việc kinh doanh hàng thực phẩm. Bên cạnh đó Xí nghiệp còn cung cấp thực phẩm đưa vào các bếp ăn công nghiệp của các đơn vị bệnh viện, trường học,

Năm 2011 và 2013, còn có sự đóng góp đáng kể doanh thu từ xuất khẩu nông sản (ớt) sang thị trường Hàn Quốc chiếm 13,62% doanh thu thuần năm 2011 và 14,06% năm 2013. Bên cạnh đó, năm 2011, Xí nghiệp kinh doanh mặt hàng điện tử đóng góp 18,06% doanh thu thuần. Tuy nhiên mảng kinh doanh điện tử đã giảm dần, năm 2012 chỉ đóng góp 2,31% tỷ trọng doanh thu thuần, năm 2013 và 2014 Xí nghiệp không thực hiện kinh doanh mặt hàng này để tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh.

Với lợi thế nguồn thực phẩm tươi sống từ công mẹ, các đơn vị thành viên và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động đưa thực phẩm vào các bếp ăn cao (từ 6%-8%) nên từ năm 2014 Xí nghiệp định hướng tập trung phát triển mạnh về lĩnh vực này. Do đó cơ cấu doanh thu thuần 6 tháng đầu năm có sự dịch chuyển từ thực phẩm đông lạnh và xuất khẩu nông sản sang thực phẩm tươi sống: thực phẩm đông lạnh chiếm tỷ trọng 49,30% doanh thu thuần, thực phẩm tươi sống đóng góp 35,88% doanh thu thuần, xuất khẩu nông sản chỉ đóng góp 3,25% doanh thu thuần.

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm dịch vụ hàng năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Lũy kế đến 30/06/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bán hàng	5.588	99,55%	3.768	99,31%	6.211	98,79%	2.242	100,00%
Thực phẩm đông lạnh	4.039	71,96%	3.505	92,38%	4.922	78,29%	1.094	48,80%
Thực phẩm tươi sống	-	0,00%	62	1,63%	311	4,95%	932	41,57%
Thực phẩm khác	136	2,42%	49	1,29%	182	2,89%	177	7,89%



Xuất khẩu nông sản	607	10,81%	73	1,92%	796	12,66%	39	1,74%
Hàng điện tử	806	14,36%	79	2,08%	-	0,00%	-	0,00%
Cung cấp dịch vụ	25	0,45%	26	0,69%	76	1,21%	-	0,00%
Tổng cộng	5.613	100,00%	3.794	100,00%	6.287	100,00%	2.242	100,00%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 do Xí nghiệp lập)

Lợi nhuận gộp của Xí nghiệp biến động tương ứng với doanh thu thuần hàng năm. Năm 2012, lợi nhuận gộp giảm 32,41% so với năm 2011, năm 2013 tương ứng với sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận gộp tăng 65,71% so với năm 2012. Cơ cấu lợi nhuận gộp hàng năm tương ứng với cơ cấu doanh thu: hoạt động bán hàng đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận gộp hàng năm của Xí nghiệp, chiếm trên 98%, còn lại là mảng dịch vụ mang lại. Trong giai đoạn 2011 – 2013, thực phẩm đông lạnh đóng góp nhiều nhất vào lợi nhuận gộp của Xí nghiệp, luôn chiếm trên 70% lợi nhuận gộp. 6 tháng đầu năm 2014, với sự dịch chuyển phát triển mạnh hoạt động sang lĩnh vực đưa thực phẩm vào các bếp ăn, tỷ trọng lợi nhuận gộp của thực phẩm tươi sống đã tăng đáng kể chiếm 41,57%, tỷ trọng lợi nhuận gộp của thực phẩm đông lạnh giảm xuống 48,80%.

❖ Chi phí sản xuất

Bảng 5: Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Lũy kế đến 30/06/2014	
		Giá trị	%DT	Giá trị	%DT	Giá trị	%DT	Giá trị	%DT
1	Giá vốn hàng bán	83.668	93,40%	64.395	93,17%	107.004	94,31%	21.850	90,68%
2	Chi phí tài chính	1.127	1,26%	838	1,21%	552	0,49%	47	0,20%
3	Chi phí bán hàng	2.783	3,11%	2.015	2,92%	2.946	2,60%	978	4,06%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.911	2,13%	2.034	2,94%	2.637	2,32%	758	3,15%
Tổng		89.489	99,90%	69.282	100,24%	113.139	99,72%	23.633	98,08%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 do Xí nghiệp lập

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và chế biến thực phẩm nên giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn, chiếm trên 90% doanh thu thuần hàng năm của Xí nghiệp. Tiếp đến là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều chiếm tỷ trọng từ 2% - 4% doanh thu thuần hàng năm.

Chi phí tài chính của Xí nghiệp xu hướng giảm dần hàng năm do chi phí lãi vay giảm; các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của Công ty cũng giảm đáng kể. Nguyên nhân do mặt bằng lãi suất giảm mạnh từ năm 2011 đến nay, bên cạnh đó diễn biến của thị trường ngoại hối và tỷ giá sau những năm nhiều biến động đã đi vào ổn định từ quý IV năm 2011 đến nay.

Chi phí bán hàng biến động cùng với biến động của doanh thu, 6 tháng đầu năm 2014 doanh thu về bán hàng thấp tương ứng chi phí bán hàng cũng giảm khá thấp. Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2014 thấp là do doanh thu thuần giảm tương ứng các chi phí về lao động thời vụ cũng giảm. Việc kiểm soát chi phí hàng năm chưa hiệu quả dẫn đến tổng chi phí hàng năm của Xí nghiệp cao, lợi nhuận hàng năm thấp. Năm 2011, 2012 tổng chi phí vượt doanh thu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp bị lỗ. Từ năm 2013, và 6 tháng đầu năm 2014, hoạt động kinh doanh đã có lãi.

❖ **Nguyên vật liệu**

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu: Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và chế biến thực phẩm nên nguồn nguyên liệu đầu vào của Xí nghiệp chủ yếu là các nông sản như: rau, củ, quả, gia súc, gia cầm, thủy sản. Với lợi thế từ đơn vị quản lý trực tiếp Xí nghiệp là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội (HADICO), Xí nghiệp có được nguồn nguyên liệu đầu vào phong phú, an toàn và là đầu mối tiêu thụ toàn bộ hàng nông – thủy sản của toàn công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, để phát triển, đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh, Xí nghiệp cũng lựa chọn nhà cung cấp uy tín khác với sản phẩm đảm bảo chất lượng an toàn để cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào; thực hiện tổ chức trồng trọt nông sản tự phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Đơn vị cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu cho Xí nghiệp là: xí nghiệp Bắc Hà, xí nghiệp rau An Toàn, công ty cổ phần Rau an toàn, công ty thực phẩm Fuji Việt Nam, ...

Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu: Với nguồn hàng phong phú từ công ty mẹ và các đơn vị thành viên, giúp hoạt động sản xuất của Xí nghiệp được ổn định hàng năm. HADICO là một doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp giống vật nuôi cây trồng, trồng trọt & chăn nuôi các sản phẩm nông nghiệp sạch. Sau gần 40 năm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với hơn 6.000 cán bộ, nhân viên, gần 20 đơn vị trực thuộc, quản lý trên 2.500 ha đất tại Hà Nội, Bắc Ninh, Hòa Bình, HADICO đang khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp của Thủ đô. Trong chiến lược xây dựng, HADICO đã có những bước đi cụ thể, vững chắc, với phạm vi 26 ngành nghề phục vụ nông nghiệp được phép hoạt động kinh doanh, bên cạnh lĩnh vực truyền thống là giống cây trồng và vật nuôi, thời gian qua HADICO đã tập trung triển khai nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. HADICO định hướng phát triển theo hướng xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi theo quy trình công nghệ khép kín, chăn nuôi kết hợp với trồng trọt, sản phẩm kết hợp với thương mại dịch vụ, đầu tư xây dựng các dự án sản xuất và cung cấp rau quả, thực phẩm sạch thông qua Công ty mẹ và các đơn vị thành viên là các xí nghiệp. Từng bước xây dựng thương hiệu các chủng loại rau an toàn, sản phẩm hàng hóa và hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu HADICO.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận: Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán của Xí nghiệp, do đó sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng lớn đến chi phí và lợi nhuận của Xí nghiệp.

❖ **Trình độ công nghệ**

Trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp luôn gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, xuống cấp, hệ thống sản xuất, sơ chế thiếu thốn. Do đó trong thời gian gần đây, Xí nghiệp cũng đã chú trọng đến công tác đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống sản xuất như: kho lạnh được xây dựng và sửa sang theo mô hình tiên tiến đảm bảo giữ gìn về chất lượng hàng hóa và về môi trường với khoảng gần 200m², dự trữ hơn 100 tấn hàng hóa đông lạnh. Hệ thống kho lạnh âm sâu -180C đến -250C, có chế độ tự động xả đông, có kho nhiệt độ bảo quản từ +12oC đến -50C, có chế độ báo tự động nhiệt độ thay đổi trong kho vào điện thoại, hoặc lịch trình mở cửa kho sẽ được lưu lại và gửi vào gmail người sử dụng, không cần phải có sổ theo dõi nhiệt độ kho như thủ công trước đây.

❖ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và chế biến thực phẩm, nên việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được Xí nghiệp đặt lên hàng đầu. Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, ngay từ khâu đầu việc kiểm soát chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào luôn được Xí nghiệp thực hiện chặt chẽ. Xí nghiệp xây dựng và tuân thủ bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông sản, thực phẩm, thực hiện tốt các khâu sơ chế các sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tạo ra các sản phẩm chất lượng. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm của Xí nghiệp được giao cho phòng sản xuất, sơ chế trực tiếp thực hiện.

❖ **Hoạt động Marketing**

Hiện tại Xí nghiệp chưa thực hiện hoạt động quảng cáo về Xí nghiệp mà chủ yếu hoạt động dựa vào uy tín của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội với thương hiệu HADICO và uy tín của Xí nghiệp với các đối tác khách hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh. Sau khi cổ phần hóa, Xí nghiệp sẽ đẩy mạnh hoạt động marketing, đưa sản phẩm tới gần.

❖ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Hiện tại Xí nghiệp không có nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký.

❖ **Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Bảng 6: Các hợp đồng đang thực hiện/dã ký kết

TT	Số hiệu HĐ	Khách hàng /Nhà cung cấp	Sản phẩm	Giá trị HĐ (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	29/HĐMB-XKHN	Xí nghiệp vận dụng toa xe khách Hà Nội	Đùi gà góc tư, đùi tỏi, xúc xích	2.500	01/04/2014 -31/03/2015
2	04/TTHL&TĐTD TT/2014	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	Rau, gia vị	5000	02/01/2014- 31/12/2014
3	56-2014/HĐMB	CN tổng công ty may 10 – công ty CP siêu	Các sản phẩm gia súc, gia cầm	1.200	15/07/2014 -14/07/2015



		thị M10 mart	đông lạnh		
4	2014/HĐMB	Công ty đầu tư và dịch vụ Phúc Lợi	Thực phẩm đông lạnh	6.200	01/06/2014-31/05/2015
5	0105HD/20140	Công ty TNHH Thực phẩm Hoàng Đông	Thực phẩm các loại	5.600	01/05/2014 – 30/04/2015
6	2014/HĐMB	Công ty TNHH Aden Services (VN) – Chi nhánh Hà Nội	Thực phẩm các loại	5.800	18/08/2014 – 17/08/2015
7	2014/HĐMB	Trường Trung học phổ thông Marie Curie	Thực phẩm các loại	4.800	01/06/2014 -31/05/2015
8	0107/HĐ/MB/2014	Công ty CP du lịch và chế biến suất ăn Thăng Long	Sữa các loại	7.620	01/07/2014 – 30/06/2015
9	2014/HĐMB	Bệnh viện phụ sản Hà Nội	Thịt lợn	3.760	15/07/2014 – 14/07/2015
10	2014/HĐMB	Công ty CP Davicord Việt Nam	Thực phẩm đông lạnh	10.000	01/08/2014 - 31/07/2014

7.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Xí nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
1. Tổng giá trị tài sản	37.312	34.403	28.816	30.736
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	10.130	10.130	10.130	27.849
3. Nợ ngắn hạn	26.569	23.803	18.686	2.886
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-
4. Nợ dài hạn	614	470	-	-
Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-	-



5. Nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-
6. Tổng số lao động	22	23	22	25
7. Tổng quỹ lương	1.487	1.554	1.487	1.787
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	5,2	5,2	5,2	5,5
9. Tổng doanh thu	89.578	69.117	113.455	24.095
10. Tổng chi phí	90.059	69.491	113.211	23.633
11. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.613	3.794	6.287	2.242
12. Lợi nhuận sau thuế	(481)	(375)	244	463
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước (%)	-	-	2,41%	1,663%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 do Xí nghiệp lập và Xí nghiệp cung cấp

Tổng giá trị tài sản có xu hướng giảm dần từ năm 2011 – 2013, tại thời điểm 31/12/2012 tổng tài sản là 34,403 tỷ đồng giảm 7,80% so với tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2011 chủ yếu do sự giảm của tiền mặt, tại thời điểm 31/12/2013 tổng tài sản giảm 16,24% so với 31/12/2012 chủ yếu do sự giảm hàng tồn kho. Vốn Nhà nước theo giá trị sổ sách tại thời điểm 30/6/2014 tăng từ 10,130 tỷ đồng lên 27,849 tỷ đồng do việc chuyển khoản phải trả nội bộ thành vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa 31/03/2014. Đây là khoản nợ Xí nghiệp phải trả công ty mẹ là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội.

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh – Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, năm 2012, và năm 2013 cho Xí nghiệp đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

Khoản mục hàng tồn kho: Do không được tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho của Xí nghiệp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2011, năm 2012 và năm 2013, bằng các nghiệp vụ kế toán thay thế, đơn vị kiểm toán cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác nhận tính hiện hữu của khoản mục này. Do đó đơn vị kiểm toán không đưa ra ý kiến về số dư hàng tồn kho được trình bày tại chỉ tiêu hàng tồn kho tại ngày 31/12/2011, 31/12/2012, 31/12/2013 cũng như ảnh hưởng của các số dư này tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính của Xí nghiệp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trích khấu hao với các tài sản tạm ngừng hoạt động do Xí nghiệp tạm dừng hoạt động kinh doanh giết mổ trong năm 2011 và 2013: Nguyên giá các tài sản tạm ngừng hoạt động tại ngày 31/12/2013 là 4.896.431.783 đồng). Trong năm 2011 và 2013, Xí nghiệp chưa trích khấu hao đối với các tài sản tạm ngừng hoạt động với số tiền tương ứng mỗi năm là 319.732.163 đồng. Nếu Xí nghiệp thực hiện trích khấu hao của tài sản cố định đúng theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính (nay là Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định) thì chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo tài chính năm 2011, năm 2013 giảm đi số tiền tương ứng là 319.732.163



đồng và chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế” tại ngày 31/12/2011 và tại ngày 31/12/2013 được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại báo cáo tài chính năm 2011, 2013 sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

Tài sản tạm ngừng hoạt động trên của Xí nghiệp liên quan đến hoạt động giết mổ bao gồm nhà xưởng sản xuất (nguyên giá: 2.649 triệu đồng, giá trị còn lại: 2.312 triệu đồng) và dây chuyền giết mổ (nguyên giá: 2.247 triệu đồng, giá trị còn lại: 1.101 triệu đồng). Theo Phụ lục đính kèm Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2014 số 556-14/BB-ĐG/ĐG-VAE ngày 04/08/2014, nguyên giá của nhà xưởng sản xuất được đánh giá lại là 3.263 tỷ đồng, giá trị còn lại của nhà xưởng sản xuất được đánh giá lại là 2.382 triệu đồng. Nguyên giá của dây chuyền giết mổ được đánh giá lại không thay đổi, giá trị còn lại của dây chuyền giết mổ được đánh giá lại là 1.146 triệu đồng. Hiện nay, dây chuyền giết mổ doanh nghiệp vẫn tạm ngừng hoạt động, còn nhà xưởng sản xuất đang được sử dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Dây chuyền giết mổ được Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đầu tư và đi vào hoạt động từ năm 2007, do tâm lý người tiêu dùng thay đổi bên cạnh đó giá thành sản phẩm giết mổ dây chuyền cao hơn giá thành giết mổ nhỏ lẻ nên các hộ dân đã không sử dụng dịch vụ giết mổ tại dây chuyền nữa và dây chuyền này đã tạm dừng hoạt động.

❖ Công nợ phải thu

Bảng 8: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I	Phải thu ngắn hạn	16.467	16.125	15.879	17.969
1	Phải thu của khách hàng	15.699	15.165	15.278	16.935
2	Trả trước cho người bán	703	844	382	815
3	Các khoản phải thu khác	65	116	219	219
II	Phải thu dài hạn	0	0	0	0
Tổng cộng		16.467	16.125	15.879	17.969

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 do Xí nghiệp lập

❖ Công nợ phải trả

Bảng 9: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I	Nợ ngắn hạn	26.569	23.803	18.686	2.887
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	2.620	-	250
2	Phải trả cho người bán	5.297	4.428	1.312	1.115



3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	24	-	-
4	Phải trả người lao động	116	142	-	-
5	Chi phí phải trả	-	17	-	-
6	Phải trả nội bộ	21.141	16.485	16.840	1.385
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	87	534	137
II	Nợ dài hạn	614	470	-	-
1	Doanh thu chưa thực hiện	614	470	-	-
Tổng cộng		27.183	24.273	18.686	2.887

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm 2014 do Xí nghiệp lập

Tại thời điểm 31/12/2013 vay và nợ ngắn hạn của Xí nghiệp biến động đáng kể so với cùng kỳ năm trước, do trong năm Xí nghiệp đã thực hiện thanh toán khoản nợ của cá nhân là 2,620 tỷ đồng. Đồng thời hàng năm, để đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh, Xí nghiệp vẫn thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhưng được thanh toán luôn trong năm. Phải trả người bán tại 31/12/2013 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước do trong năm Xí nghiệp thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp. Phải trả nội bộ tại 30/6/2014 giảm đáng kể so với 31/12/2013 do trong kỳ Xí nghiệp thực hiện vốn hóa khoản phải trả nội bộ của công ty mẹ như đã nêu ở trên.

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,06	1,10	1,10
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,70	0,69	1,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,73	0,71	0,65
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,68	2,40	1,84
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				



Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	6,67	6,64	19,22
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	vòng	2,14	1,90	3,58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,54%	-0,55%	0,22%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-4,75%	-3,70%	2,41%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-1,15%	-1,05%	0,77%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

7.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Xí nghiệp luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Công ty mẹ trong việc định hướng phát triển, phân giao nhiệm vụ, đồng thời sự quan tâm hỗ trợ của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó với sự hỗ trợ từ Công ty mẹ và các xí nghiệp trong Công ty mẹ giúp Xí nghiệp có được nguồn hàng phong phú, đa dạng và ổn định.
- Ban lãnh đạo Xí nghiệp luôn bám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của đơn vị, kịp thời chỉ đạo và đề ra các chủ trương, chính sách, cũng như tháo gỡ các khó khăn cho các phòng ban, bộ phận để chủ động với các công việc kinh doanh.
- Xí nghiệp luôn nhận được sự ủng hộ và đồng thuận của tập thể cán bộ công nhân viên lao động trong Xí nghiệp. CBCNV Xí nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chủ động khắc phục và vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh hàng năm.

❖ Khó khăn

Cơ sở vật chất kỹ thuật của Xí nghiệp còn nghèo nàn, lạc hậu, hệ thống sản xuất sơ chế thiếu thốn dẫn đến hoạt động chế biến thực phẩm không được đẩy mạnh. Bên cạnh đó nguồn vốn kinh doanh bị hạn chế, không đáp ứng đủ cho việc kinh doanh thực phẩm trong khi hệ thống bán buôn thực phẩm và bếp ăn công nghiệp cần một lượng vốn lớn.

8. Vị thế của Xí nghiệp so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**❖ Vị thế của Xí nghiệp trong ngành**

Xí nghiệp có vị trí tại khu dân cư Quốc lộ 32, Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội cùng hệ thống kho tàng rộng lớn, gần Chợ đầu mối Minh Khai nên rất thuận lợi cho việc kinh doanh thực phẩm. Là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành kinh doanh và chế biến thực phẩm, Xí nghiệp luôn được các đối tác và bạn hàng đánh giá là đơn vị có uy tín và năng lực cao.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2013, Việt Nam sản xuất được 44 tỷ USD các nguyên liệu đầu vào cho sản xuất lương thực thực phẩm bao gồm trồng trọt, thủy sản và chăn nuôi. Ngoài ra, Việt Nam nhập khẩu 6,5 tỷ USD các nguyên liệu đầu vào quan trọng như nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu sữa, hải sản, dầu ăn và chất béo, lúa mì, trái cây và rau quả cho ngành thực phẩm. Trong năm, giá trị sản xuất lương thực thực phẩm của Việt Nam ước tính đạt hơn 52,1 tỷ USD trong đó tiêu thụ trong nước chiếm 66,8%, đạt 34,8 tỷ USD, còn lại là xuất khẩu các mặt hàng chủ lực (thủy sản, gạo, cà phê, hạt điều, etc) đạt kim ngạch 17,3 tỷ USD. Lương thực thực phẩm chủ yếu được tiêu thụ thông qua các kênh thương mại và kênh truyền thống. Kênh truyền thống bao gồm gần 779.000 khu chợ và các cửa hàng tư nhân nhỏ, kênh này rất phù hợp với thực phẩm mua số lượng nhỏ và thường xuyên. Các kênh truyền thống chiếm 75% giá trị bán lẻ thực phẩm, 25% giá trị còn lại thông qua kênh thương mại gồm 447 siêu thị và đại siêu thị, 365 siêu thị mini và cửa hàng tiện lợi, 560.000 nhà hàng và quán ăn và 12.500 khách sạn.

Năm 2013, tiêu thụ thực phẩm trong nước đạt 34,8 tỷ USD với tốc độ CAGR đáng kể 11,4% trong giai đoạn 2010-2013. Theo Euromonitor International, tiêu thụ lương thực thực phẩm của Việt Nam được dự báo duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số 11,4% trong giai đoạn 2014-2018.

Là một nước nông nghiệp, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới và trên nguyên tắc, Việt Nam kỳ vọng khá nhiều vào việc miễn thuế và mở cửa thị trường của các đối tác TPP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương). Nhưng Việt Nam có giới hạn về biện pháp kiểm tra vệ sinh (SBS), rào cản kỹ thuật (yêu cầu về bao bì, ghi chép, hậu cần) và các biện pháp phòng vệ thương mại (TBT) (chống bán phá giá, chống trợ cấp), thị trường thực phẩm trong nước sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh cao từ các nước TPP có kỹ thuật-công nghệ, chất lượng và thậm chí giá cả hơn hẳn. Trong khi SPS và TBT rất phổ biến đối với Mỹ, Úc và New Zealand, thì Việt Nam đang phải đối mặt với trở ngại trong việc thực hiện hai biện pháp này. Đó là do tiêu chuẩn quá cao gây khó khăn cho các sản phẩm địa phương và không đủ tài nguyên để đảm bảo chất lượng các sản phẩm xuất khẩu sang Việt Nam.



Với sức mạnh tổng hợp của một nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu dân số vàng, tỷ lệ đô thị hóa nhanh chóng và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu cũng như mạng lưới bán lẻ dày đặc sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng tiêu dùng hàng thực phẩm trong trung và dài hạn.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Xí nghiệp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Thực phẩm là ngành hàng thiết yếu cho cuộc sống của con người. Trong thời gian gần đây, niềm tin của người tiêu dùng đối với vấn đề an toàn thực phẩm đang bị lung lay. Chính vì thế phát triển thị trường thực phẩm sạch là một trong những yếu tố then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành thực phẩm. Với định hướng phát triển sau cổ phần hóa của Xí nghiệp tiếp tục hướng tới thực phẩm sạch luôn phù hợp với định hướng chính sách của Nhà Nước và xu thế chung trên thế giới.

**VI. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA****1. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa**

- Tên gọi đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HÀ NỘI**
- Tên tiếng Anh: **HA NOI FOOD PROCESSING AND TRADING JSC**
- Tên viết tắt: **HDF**
- Trụ sở chính: Khu dân cư Quốc lộ 32, Phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3763 8531 Fax: (04) 3763 8599
- Email: thucphamhanoi@hadicogroup.com.vn
- Website: thucphamhanoi.com.vn
- Biểu tượng: 
- Slogan: **Nông nghiệp xanh - Sản phẩm sạch!**
- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Chăn nuôi	0149
2	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
3	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
5	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9	Bán buôn thực phẩm	4632

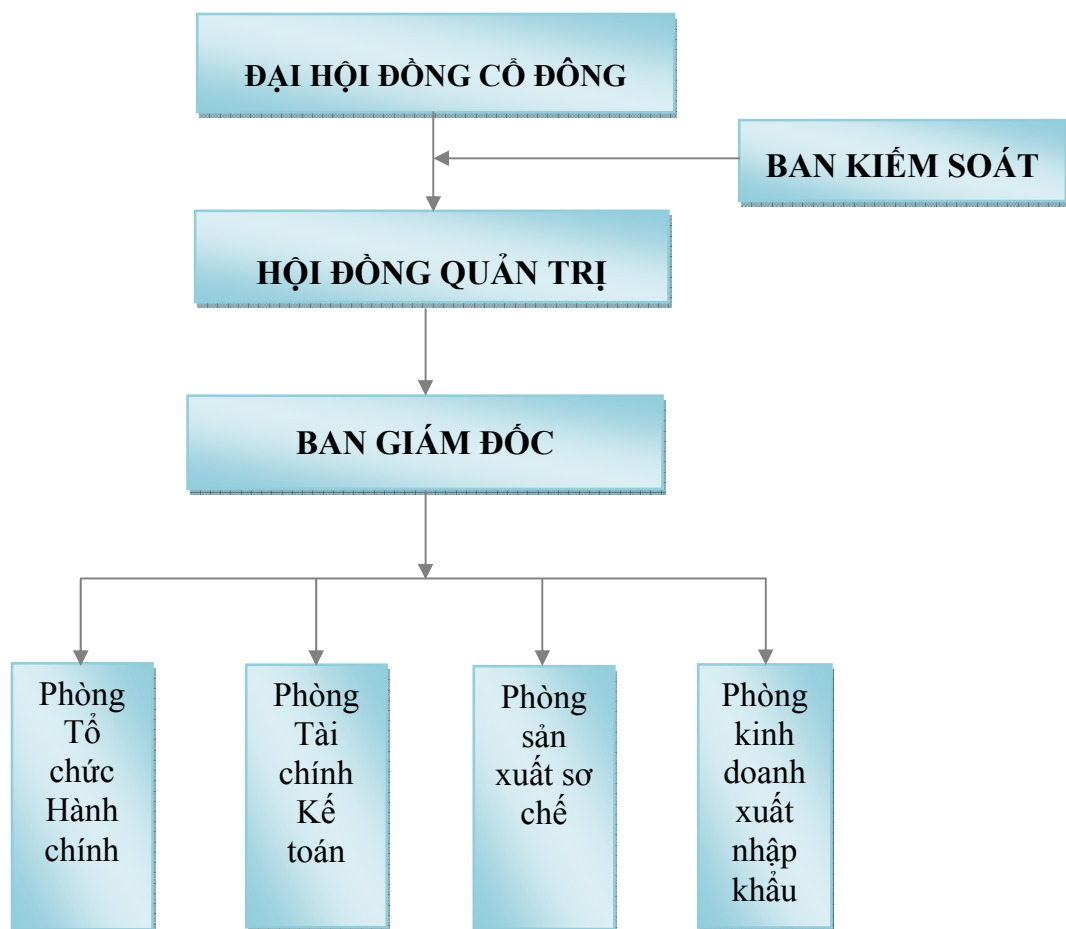
Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và chế biến thực phẩm Hà Nội được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Biểu 2: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty cổ phần



(Nguồn: Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm)

Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty: Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Giám đốc Công ty: Các Phó Giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

Kế toán trưởng Công ty: Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Các phòng ban chuyên môn: Gồm các phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Khối tham mưu của Công ty gồm: Phòng Tổ chức Hành chính. Phòng Tài chính Kế toán; Phòng sản xuất – sơ chế, Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu với chức năng được quy định như sau:

2.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban

❖ Phòng Tổ chức hành chính

✓ Chức năng:

Phòng Tổ chức hành chính là đơn vị tham mưu, giúp việc lãnh đạo Công ty quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực: tổ chức, cán bộ; hành chính, quản trị; các chế độ chính sách đối với người lao động; thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với CBCNV lao động trong toàn Công ty.

✓ Nhiệm vụ:

- Công tác tổ chức nhân sự:
- + Nghiên cứu, soạn thảo các nội quy, quy chế về tổ chức lao động trong nội bộ Công ty; phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở soạn thảo Thỏa ước lao động tập thể hàng năm; Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phân cấp quản lý của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;



- + Nghiên cứu, đề xuất các phương án cải tiến tổ chức bộ máy quản lý, sắp xếp cán bộ, công nhân lao động cho phù hợp với tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
Xây dựng phương án về quy hoạch đội ngũ cán bộ và lực lượng công nhân kỹ thuật của Công ty; Lập kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng hàng năm;
Đề xuất việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tuyển dụng lao động; Giải quyết các thủ tục về hợp đồng lao động, tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân viên;
- + Tham mưu trong việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động. Theo dõi, giải quyết các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất, chế độ nghỉ việc do suy giảm khả năng lao động và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động.
- + Thực hiện các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương theo quy định của pháp luật, quy chế và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
Xây dựng các định mức lao động, đơn giá tiền lương; lập và quản lý quỹ lương, xây dựng các quy chế nâng lương, nâng bậc và quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng quy định của pháp luật, quy chế và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Phối hợp với các phòng ban, đơn vị trực thuộc để giám sát, đánh giá chất lượng công việc của cán bộ công nhân viên hàng tháng, quý, năm để làm cơ sở tính lương, thưởng và đánh giá năng lực người lao động;
Tổng hợp báo cáo quỹ lương của Công ty;
- + Quản lý cán bộ, công nhân viên; quản lý hồ sơ nhân sự; phối hợp với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng, củng cố tổ chức và quản lý cán bộ, công nhân viên lao động. Phối hợp với các bộ phận chức năng theo dõi, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan cán bộ, công nhân viên lao động;
- + Là Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật, Hội đồng nâng lương, nâng bậc của Công ty; Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện các Quy chế dân chủ của Công ty;
- + Thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty.
- Công tác hành chính, quản trị:
- + Quản lý con dấu của Công ty và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
- + Dự thảo, đánh máy, nhân bản các văn bản các văn bản phục vụ hoạt động của Công ty. Cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường và giải quyết các loại giấy tờ khác khi được Tổng Giám đốc ủy quyền.



- + Tổng hợp, xây dựng kế hoạch công tác tuần của Ban Tổng Giám đốc và kế hoạch công tác tháng, quý, năm của Công ty; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch công tác sau khi được phê duyệt.
- + Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị làm việc của Công ty. Lập kế hoạch mua sắm thiết bị, văn phòng phẩm trình Tổng Giám đốc phê duyệt thực hiện. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, kiểm kê tài sản, các trang thiết bị làm việc của Công ty hàng năm theo quy định.
- + Công tác phục vụ:
Công tác tạp vụ; vệ sinh môi trường, quang cảnh; chuẩn bị cơ sở vật chất và tổ chức khánh tiết các ngày lễ, đại hội, hội nghị, cuộc họp, tiếp khách... của cơ quan;
Quản lý, điều phối xe ô tô của Công ty theo ủy quyền của Tổng Giám đốc.
Đảm bảo hệ thống điện thoại, điện, nước, mạng internet phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Đảm bảo công tác an ninh, trật tự; tham gia xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ, lụt bão và an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện lệnh Nghĩa vụ quân sự và các chính sách xã hội tại địa phương nơi đơn vị đăng ký hoạt động.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Công ty.

❖ **Phòng Tài chính Kế toán**

✓ **Chức năng**

- Giúp việc và tham mưu cho Giám đốc trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán và thống kê.
- Theo dõi, phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.

✓ **Nhiệm vụ**

- Thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê theo Luật Kế toán và Điều lệ của Công ty.
- Quản lý tài sản, nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế của Công ty theo quy định của Nhà nước.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc hoạch định chiến lược và chính sách tài chính, quản lý điều hành và sử dụng vốn có hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định, thông qua. Đảm bảo vốn kịp



thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và kế hoạch được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch định kỳ về giá thành sản phẩm, kinh phí hoạt động và các kế hoạch tài chính khác.
- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, cổ đông và người lao động theo luật định.
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định.
- Tham mưu cho Giám đốc về việc ký kết các hợp đồng tín dụng, kinh tế.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc Công ty.

❖ **Phòng sản xuất, sơ chế**

✓ **Chức năng**

Giúp việc và tham mưu cho Giám đốc quản lý, điều hành Công ty trong các lĩnh vực về Công tác khoa học, kỹ thuật và công nghệ, triển khai sơ chế hàng hóa.

✓ **Nhiệm vụ**

- Xây dựng quy trình trồng nông sản tại các vùng nguyên liệu, chăm sóc, thu hoạch nông sản phục vụ cho xuất khẩu.
- Tìm kiếm các nguồn phân bón chất lượng, thuốc bảo vệ tốt nhằm tăng năng suất cây trồng.
- Thực hiện tốt các khâu sơ chế các sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tạo ra các sản phẩm chất lượng.
- Theo dõi tổng hợp kết quả sản xuất theo quy định, tháng, quý, năm của Xí nghiệp.
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông sản, thực phẩm.
- Xử lý và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề phát sinh về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm với Ban giám đốc.
- Đề xuất các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong trồng trọt, sơ chế hàng hóa.

❖ **Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu**

✓ **Chức năng**

Giúp việc và tham mưu cho Giám đốc quản lý, điều hành Công ty trong các lĩnh vực:

- Chiến lược kinh doanh, xuất nhập khẩu;
- Chiến lược phát triển thị trường, mạng lưới phân phối và bán hàng.



✓ **Nhiệm vụ**

- Chiến lược phát triển kinh doanh, xuất nhập khẩu:
- + Xây dựng lộ trình phát triển toàn Công ty sau khi cổ phần hóa dựa trên nền tảng kho lạnh, mặt bằng sẵn có.
- + Chủ trì xây dựng kế hoạch kinh doanh theo từng tháng, quý, năm và dài hạn của Công ty.
- + Đôn đốc thực hiện kế hoạch, họp bàn đúc rút kinh nghiệm những việc làm chưa hiệu quả, chưa phù hợp thực tế để xây dựng môi trường kinh doanh chuyên nghiệp tạo lòng tin khách hàng với thương hiệu HADICO ; Tổng hợp, lập báo cáo thống kê định kỳ, báo cáo sơ, tổng kết theo mẫu biểu quy định của Công ty.
- + Dựa trên nguồn hàng đang kinh doanh, lợi thế cạnh chợ bán buôn nông sản Minh Khai tiến hành triển khai thêm ngành kinh doanh nấu xuất ăn công nghiệp.
- + Tìm kiếm và ký kết phân phối một số mặt hàng thực phẩm tiêu dùng có thương hiệu.
- Chiến lược phát triển thị trường, mạng lưới bán hàng:
- + Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn kế hoạch phát triển thị trường.
- + Giao dịch tìm hiểu nguồn hàng, kiểm tra đánh giá chất lượng hàng hóa, trực tiếp tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- + Tham mưu cho lãnh đạo giá mua, giá bán hàng hóa phù hợp với từng thời điểm.
- + Xây dựng chương trình quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu, mẫu mã sản phẩm của Công ty.

❖ **Các đơn vị trực thuộc:** Không có

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần

- ❖ Căn cứ theo đặc điểm và tình hình thực tế, Xí nghiệp lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là: Vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Vốn điều lệ của Công ty: 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*)
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần: 3.000.000 cổ phần
- ❖ Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 11: Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1.470.000	14.700.000.000	49
2	Cổ phần CBCNV mua ưu đãi	54.700	547.000.000	1,83
	<i>Người lao động mua theo thời gian làm việc trong khu vực Nhà Nước</i>	<i>10.100</i>	<i>101.000.000</i>	<i>0,34</i>
	<i>Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	<i>44.600</i>	<i>446.000.000</i>	<i>1,49</i>
3	Cổ phần bán ra ngoài qua đấu giá	1.475.300	14.753.000.000	49,17
	Tổng cộng	3.000.000	30.000.000.000	100

Nguồn Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm

❖ **Niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi cổ phần hóa**

Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, Công ty sẽ thực hiện niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp Nhà nước như sau:

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định trên, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

**Bảng 12: Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần**

TT	Nội dung	Số lao động (người)
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	12
2	Lao động có trình độ cao đẳng	02
3	Lao động có trình độ trung cấp, sơ cấp nghề	03
4	Lao động phổ thông	08
	Tổng số lao động	25

Nguồn Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm

5. Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

5.1 Các chỉ tiêu

Bảng 13: Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu kế hoạch	ĐVT	Năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Tỷ lệ tăng giảm năm 2015/năm 2014 (%)	Kế hoạch năm 2016	Tỷ lệ tăng giảm năm 2016/năm 2015 (%)	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ tăng giảm năm 2017/năm 2016 (%)
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	30.000	30.000	0,00%	30.000	0,00%	30.000	0,00%
2	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	-	600	N/A	300	-50,00%	-	-100,00%
3	Tổng số lao động	Người	25	32	28,00%	35	9,38%	45	28,57%
4	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	1.710	2.212	29,36%	2.762	24,86%	3.710	34,32%
5	Thu nhập người/tháng	Triệu đồng	5,2	5,5	5,77%	6,1	10,91%	6,5	6,56%
6	Tổng doanh thu	Triệu đồng	124.543	137.228	10,19%	151.698	10,54%	167.900	10,68%
7	Tổng chi phí	Triệu đồng	123.098	135.042	9,70%	148.509	9,97%	164.387	10,69%
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.445	2.186	51,28%	3.189	45,88%	3.513	10,16%
9	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.445	1.665	15,22%	2.391	43,60%	2.634	10,16%
10	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	2.168	2.487	14,71%	2.875	15,60%	3.355	16,70%
11	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%		5%		7%		10%	

Nguồn Phương án Cổ phần hóa Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm

Công ty cổ phần sẽ kế thừa và phát huy toàn bộ tài sản, tiền vốn, con người của Xí nghiệp. Tuy nhiên trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm, Công ty cổ phần sẽ định hướng lại cơ cấu doanh thu bán buôn và doanh thu bán thực phẩm vào các bếp ăn công nghiệp, trường học. Với lợi thế về khách hàng, địa điểm, nguồn hàng do đó Công ty cổ phần sẽ mở rộng phát triển hoạt động cung cấp thực phẩm cho các bếp ăn trong những năm tiếp theo.

5.2 Các giải pháp chủ yếu

❖ Tăng cường công tác tổ chức quản lý:

- Bước sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất là phải tập trung xây dựng bộ máy tổ chức, nhân sự; bố trí, sắp xếp sử dụng hợp lý lao động hiện có phù hợp với yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần.
- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với người có trình độ và kinh nghiệm làm việc nhằm xây dựng Công ty có một đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực công tác và quản lý giỏi trong sản xuất kinh doanh để đem lại lợi ích cho Công ty.
- Rà soát kiện toàn bộ máy, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ và người lao động đúng người đúng việc, tinh giảm bộ máy gián tiếp để tăng cường lực lượng chuyên môn trực tiếp sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng mô hình giao khoán cho thật phù hợp nhằm phát huy tốt năng lực, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động từ cán bộ quản lý đến người lao động, đảm bảo an toàn vốn, tài sản và mang lại lợi nhuận cho Công ty.

❖ Công tác kỹ thuật sản xuất và sơ chế:

- Tổ chức xây dựng quy trình trồng trọt, chăm sóc, thu hoạch nông sản. Quản lý chặt chẽ công tác làm giống từ khâu chọn giống. Có ghi chép rõ ràng lý lịch, theo dõi chi tiết, cụ thể để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện tốt các khâu sơ chế các sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tạo ra các sản phẩm chất lượng.
- Theo dõi tổng hợp kết quả sản xuất theo quy định, tháng, quý, năm của Công ty.
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông sản, thực phẩm.
- Xử lý và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề phát sinh về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm với Ban giám đốc.
- Linh hoạt bổ sung các loại thuốc bổ vào trong khẩu phần ăn của lợn thật hợp lý, nhất là khi thời tiết thay đổi, chuyển mùa, trước và sau khi dùng vacxin.

❖ Công tác thị trường:

- Tăng cường công tác theo dõi đánh giá tình hình thị trường.
- Lập báo cáo phân tích, đánh giá tình hình diễn biến của cung và cầu thị trường về các loại thực phẩm, lập kế hoạch dự báo nhu cầu của thị trường, giá cả thị trường từ đó có kế hoạch



thu mua dự trữ sản phẩm phù hợp với thị trường tiêu thụ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho đơn vị.

- Tìm hiểu nguồn hàng, kiểm tra đánh giá chất lượng nguyên liệu, hàng hóa; trực tiếp tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Tìm hiểu nắm bắt thông tin hậu bán hàng, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật trồng trọt, đặc biệt là các nông hộ hợp tác trồng các loại giống nông sản xuất khẩu để cung cấp nguồn hàng cho đơn vị.

❖ **Giải pháp về vốn:**

Nguồn vốn để xây dựng thêm mới, sửa chữa lại kho lạnh và nhà sơ chế là vấn đề cực kỳ quan trọng vì nó nâng cao việc bảo quản chất lượng hàng hóa phục vụ tốt cho việc kinh doanh và xuất nhập khẩu. Giúp tăng về nguồn sản phẩm đa dạng và đảm bảo về chất lượng cho thị trường. Mặt khác nguồn vốn lưu động phục vụ cho việc dự trữ nguồn hàng được phong phú, chủ động trong việc cung cấp nguồn hàng ra thị trường trong nước và nước ngoài.

❖ **Các mặt công tác khác:**

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân lao động, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, có chế độ động viên khen thưởng kịp thời, khuyến khích tinh thần làm chủ của người lao động, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức quần chúng hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch được giao.
- Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan đơn vị, chính quyền địa phương, giữ vững an ninh trật tự trong toàn đơn vị, để bảo vệ tốt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

**VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN****1. Cơ cấu chào bán và phương thức thanh toán****➤ Phương thức bán****Bảng 14: Phương thức bán**

TT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Phương thức bán	Giá bán
1	Nhà nước	1.470.000	49%	Giữ nguyên	Không áp dụng
2	CBCNV mua ưu đãi	54.700	1,83%	Chào bán trực tiếp cho CBCNV có tên trong danh sách lao động được mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà Nước và danh sách lao động được mua thêm cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/03/2014)	60% giá đấu giá thành công thấp nhất
	Người lao động mua theo thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước	10.100	0,34%		
	Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần	44.600	1,49%		Bảng giá đấu thành công thấp nhất
4	Cổ phần phát hành qua đấu giá ra công chúng	1.475.300	49,17%	Bán đấu giá công khai, chi tiết quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.	Theo giá đấu thực tế thành công
	Tổng cộng	3.000.000	100%		

➤ Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần chào bán cho người lao động: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Xí nghiệp Kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.



- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: Phương thức bán, Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

2. Cổ phiếu chào bán đấu giá

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần: 30.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần chào bán: 1.475.300 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán: Bán đấu giá công khai
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phần
- Số lượng cổ phần được mua tối đa với các nhà đầu tư trong nước: 1.475.300 cổ phần
- Số lượng cổ phần được mua tối đa với các nhà đầu tư nước ngoài: 1.470.000 cổ phần

3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa. Việc tính toán số tiền này dựa trên giả định:

- Giá bán cổ phiếu bằng giá khởi điểm đấu giá: 10.100 đồng/cổ phần
- Giá đầu thành công thấp nhất bằng giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán được bán hết

Số liệu cuối cùng sẽ căn cứ theo kết quả thực tế quá trình bán cổ phần để cổ phần hóa của Xí nghiệp kinh doanh gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.

Bảng 15: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

STT	Khoản mục	Đơn vị	Diễn giải	Giá trị
1	Vốn điều lệ	Đồng	Theo QĐ phê duyệt GTDN và PA CPH	30.000.000.000
2	Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước	Đồng	Theo QĐ phê duyệt GTDN và PA CPH	29.839.102.339
3	Dự kiến phát hành thêm	Đồng	= mục 1-mục 2	160.897.661
4	Cơ cấu vốn điều lệ	Đồng	Dự kiến theo QĐ	30.000.000.000
4.1	Nhà nước 49%	Đồng	= 49%* mục 1	14.700.000.000



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

4.2	Cổ đông khác 51%	Đồng	= 51%* mục 1	15.300.000.000
5	Bán phần vốn Nhà nước	Đồng	= mục 2- mục 4.1	15.139.102.339
6	Số cổ phần phát hành ra ngoài, cơ cấu:	Cổ phần	= mục 4.2:10.000 đ/cp	1.530.000
6.1	Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực Nhà nước	Cổ phần	Theo QĐ phê duyệt GTDN	10.100
6.2	Bán cho Người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	Cổ phần	Theo QĐ phê duyệt GTDN	44.600
6.3	Bán đấu giá công khai ra bên ngoài cho đối tượng khác	Cổ phần	Theo QĐ phê duyệt GTDN	1.475.300
7	Giá bán cho các đối tượng dự kiến			
7.1	Giá khởi điểm	Đồng/cổ phần	Theo QĐ phê duyệt GTDN	10.100
7.2	Giá bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực nhà nước	Đồng/cổ phần	=60%* mục 7.1	6.060
7.3	Giá bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	Đồng/cổ phần	=mục 7.1	10.100
7.4	Giá bán cho các đối tượng khác	Đồng/cổ phần	Giá định bằng giá khởi điểm	10.100
8	Số tiền thu được từ đợt phát hành		= mục 8.1 + mục 8.2 + mục 8.3	15.412.196.000
8.1	Số tiền thu được từ bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc tại khu vực nhà nước	Đồng	= mục 6.1 * mục 7.2	61.206.000
8.2	Số tiền thu được từ bán ưu đãi cho người lao động theo theo cam kết làm việc lâu dài	Đồng	= mục 6.2 * mục 7.3	450.460.000
8.3	Số tiền thu được từ bán cổ phần cho đối tượng khác	Đồng	= mục 6.3 * mục 7.4	14.900.530.000
9	Chi từ cổ phần hóa dự kiến	Đồng	= mục 9.1 + mục 9.2	200.000.000
9.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	Đồng	Theo PA CPH	200.000.000
9.2	chi phí giải quyết lao động	Đồng		-
10	Số tiền chuyển về ngân sách nhà nước	Đồng	= mục 8 - mục 9 - mục 3	15.051.298.339



VIII. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

❖ ***Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa***

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6 2670491/92/93 - Fax: (84-4) 6 2670494

Website: vae.com.vn

❖ ***Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011, 2012, 2013***

CÔNG TY TNHH kiểm toán Việt Anh

Trụ sở chính tại Hà Nội: Tầng 9, tòa nhà AC, ngõ 78 Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 437958705

❖ ***Tổ chức tư vấn đầu giá***

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG (OCS)

Trụ sở: Tầng 1&7 – tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 37726699 - Fax: (84-4) 37726763

CHI NHÁNH SÀI GÒN

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du - Bến Thành - Quận 1 - TP HCM

Điện thoại : (84-8) 62906296 - Fax: (84-8) 62906399



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2014

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Trưởng Ban chỉ đạo CPH
Phạm Công Bình

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
XÍ NGHIỆP KINH DOANH GIA SÚC GIA CÀM VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM



Đào Nguyên Đặng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hạnh

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI DƯƠNG
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hồng Sơn

